

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG PHÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 8 - 2022

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Thái Ngọc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Thạch Thanh Tâm**.

2. Ông **Nguyễn Thanh Rực**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Hiệp Văn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Chí Điều** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Ông Văn H**, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

**- Bị đơn:** Bà **Võ Thị U**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ông Văn H trình bày:**

Vào năm 2005, ông Ông Văn H cùng bà Võ Thị U chung sống cùng nhau. Sau đó tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 05/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng ông Ông Văn H, bà Võ Thị U chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sống ly thân cho đến nay. Ông Ông Văn H xác định vợ chồng có một người con chung tên Võ Văn Khánh

D, sinh ngày 30/9/2006. Vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay ông Ông Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: ông Ông Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị U.
- Về con chung: ông Ông Văn H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Văn Khánh D, sinh ngày 30/9/2006 đến khi thành niên và không yêu cầu bà Võ Thị U phải cấp dưỡng cho con.
- Về tài sản chung: ông Ông Văn H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: ông Ông Văn H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông Ông Văn H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + Căn cước công dân mang tên Ông Văn H (bản sao chứng thực);
- + Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Ông Văn H (bản sao chứng thực);
- + Giấy chứng nhận kết hôn;
- + Bản sao chứng thực sinh mang tên Võ Văn Khánh D;

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho bà Võ Thị U. Nhưng bà Võ Thị U thường xuyên không có mặt tại nhà và không có người nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà Võ Thị U không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

\* Tòa án đã tiến hành xác minh, hiện tại bà Võ Thị U vẫn còn đăng ký thường trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ chồng con trong vụ án. Theo đó, con chung tên Võ Văn Khánh D có nguyện vọng được sống cùng với ông Ông Văn H. Ông H cũng thống nhất yêu cầu nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu bà Võ Thị U phải cấp dưỡng cho con chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Ông Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Võ Thị U, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Văn Khánh D, sinh ngày 30/9/2006 đến khi thành niên và không yêu cầu bà Võ Thị U phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Bị đơn bà Võ Thị U đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng ông Ông Văn H và bà Võ Thị U không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Ông Văn H cho vợ chồng ông Ông Văn H bà Võ Thị U ly hôn. Về con chung giao cho ông Ông Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và bà Võ Thị U không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung ông Ông Văn H xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc ông Ông Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 17/5/2022, ông Ông Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Võ Thị U có nơi cư trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn bà Võ Thị U vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn ông Ông Văn H về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2005, ông Ông Văn H cùng bà Võ Thị U chung sống cùng nhau như vợ chồng. Sau đó tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 05/6/2017. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Ông Văn H và bà Võ Thị U là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của ông Ông Văn H: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau thời gian chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây vợ chồng ông Ông Văn H, bà Võ Thị U phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Ông Ông Văn H xác định vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thay đổi và đến tháng 10 năm 2020 vợ chồng không còn chung

sống với nhau và bà Võ Thị U đã sống ly thân. Kể từ tháng 10 năm 2020 đến nay vợ chồng ông Ông Văn H, bà Võ Thị U vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, vợ chồng không còn tình nghĩa, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để nhận định rằng đời sống chung của vợ chồng ông Ông Văn H bà Võ Thị U không thể kéo dài được mục đích hôn nhân không thể đạt được. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho vợ chồng ông Ông Văn H bà Võ Thị U hàn gắn tình cảm, tuy nhiên bà Võ Thị U đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc cho bà Võ Thị U không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Ông Văn H. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ông Văn H cho ông Ông Văn H được ly hôn với cho bà Võ Thị U.

[3.3] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định “Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật”. Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05/6/2017 của ông Ông Văn H và bà Võ Thị U sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Về con chung: Ông Ông Văn H xác định thời gian chung sống, vợ chồng ông Ông Văn H và bà Võ Thị U có một người con chung tên Võ Văn Khánh D, sinh ngày 30/9/2006. Hiện nay con chung do ông Ông Văn H đang trực tiếp nuôi dưỡng bà Võ Thị U cũng không có ý kiến về việc này.

[3.5] Xét ý kiến của ông Ông Văn H về việc ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Văn Khánh D, sinh ngày 30/9/2006 hiện nay đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Võ Văn Khánh D, sinh ngày 30/9/2006 đang sống cùng với cha là ông Ông Văn H khi bà Võ Thị U ông Ông Văn H sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Bà Võ Thị U cũng không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Võ Văn Khánh D, sinh ngày 30/9/2006 cho ông Ông Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ông Văn H xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng nên đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Võ Thị U phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.7] Bên cạnh đó bà Võ Thị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Ông Ông Văn H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Ông Văn H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó

trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy ông Ông Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Ông Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị U có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ông Văn H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Ông Văn H được ly hôn với bà Võ Thị U. Quan hệ hôn nhân giữa ông Ông Văn H bà Võ Thị U theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05/6/2017 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Võ Văn Khánh D, sinh ngày 30/9/2006 (hiện nay con chung đang sống chung với ông Ông Văn H) cho ông Ông Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Bà Võ Thị U không phải cấp dưỡng cho con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Võ Thị U mà không ai được cản trở. Ông Ông Văn H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Võ Thị U trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Ông Ông Văn H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Ông Ông Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ông Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004621, ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy ông Ông Văn H đã thực hiện xong). Bà Võ Thị U không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Ông Ông Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị U có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thái Ngọc**